

Số:1892 /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 18 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán kinh phí lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ
Quy hoạch chung thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn,
tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11
năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định
số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của
Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị
định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi
tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng
và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của
UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Bắc Sơn,
huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2023, tỷ lệ 1/5000;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 156/TTr-SXD
ngày 14 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi phí lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Bắc Sơn, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000, nội dung như sau:

1. Tổng kinh phí thực hiện: 524.498.000 đồng.

(Chi phí tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này).

2. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Bắc Sơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế -Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT_(HVT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
1	Chi phí lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch (110 ha)	G1	Dự toán chi tiết	389,900,000	Xem dự toán chi tiết
2	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G2	10.96 % x 354,454,545 đồng	38,853,159	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
3	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch xây dựng (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch trước thuế)	G3	9.67 % x 354,454,545 đồng	34,287,355	Bảng 11 - TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
4	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G4	2.00 % x 389,900,000 đồng	7,798,000	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
5	Chi phí công bố quy hoạch (tỷ lệ x giá trị lập đồ án quy hoạch sau thuế)	G5	3.00 % x 389,900,000 đồng	11,697,000	TT 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019
6	Chi phí hồ sơ quy hoạch theo thông tin địa lý (GIS)	G6	10.00 % x 389,900,000 đồng	38,990,000	Văn bản số 668/SXD-QHKT&PTĐT ngày 26/4/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn
7	Chi phí khác	G7		2,972,695	
	- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		0.57 % x TMĐT	2,972,695	NĐ 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021
	TỔNG CHI PHÍ TƯ VẤN	G	G1+G2+...+G7	524,498,209	
	LÀM TRÒN:			524,498,000	

PHỤ LỤC 2. CHI PHÍ LẬP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11 /2023 của UBND tỉnh)

Bảng 1: Tổng hợp chi phí tư vấn

TT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	DIỄN GIẢI	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	KÝ HIỆU
1	Chi phí chuyên gia	Xem bảng chi tiết B2	187,340,000	Ccg
2	Chi phí quản lý	55% x Ccg	103,037,000	Cql
3	Chi phí khác	Xem bảng chi tiết B3	46,654,700	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	6% x (Ccg+Cql)	17,422,620	TN
5	Thuế VAT	10% x (Ccg+Cql+Ck+TN)	35,445,432	VAT
6	Tổng cộng	Ccg+Cql+Ck+TN+VAT	389,899,752	Ctv
	LÀM TRÒN		389,900,000	

Bảng 2: Chi phí lương chuyên gia

TT	Chuyên gia thực hiện	Vị trí dự kiến	Lương chuyên gia Theo Thông tư 11/2021/TT-BXD		Số ngày làm việc	Thù lao cho chuyên gia (5) x(6)
			Năm kinh nghiệm	Lương/ ngày		
	(1)	(2)	(3)		(6)	(7)= (5)x (6)
			(3.1)	(3.2)		
1	Chuyên gia 1	Chủ nhiệm đồ án quy hoạch	>=10 năm	1,150,000	90.0	103,500,000
2	Chuyên gia 2	Chủ trì thiết kế bộ môn kiến trúc quy hoạch	5-10 năm	770,000	21.0	16,170,000
3	Chuyên gia 3	Chuyên gia thiết kế bộ môn kiến trúc quy hoạch	<=5 năm	580,000	41.0	23,780,000

4	Chuyên gia 4	Chủ trì thiết kế giao thông, san nền - Chuyên gia thiết kế giao thông, san nền	5-10 năm	770,000	17.0	13,090,000
5	Chuyên gia 5	Chủ trì thiết kế điện - Chuyên gia thiết kế điện	5-10 năm	770,000	9.0	6,930,000
6	Chuyên gia 6	Chủ trì thiết kế cấp thoát nước - Chuyên gia thiết kế cấp thoát nước	5-10 năm	770,000	16.0	12,320,000
7	Chuyên gia 7	Chuyên gia thiết kế hệ thống thông tin, liên lạc	5-10 năm	770,000	7.0	5,390,000
8	Chuyên gia 8	Chủ trì dự toán	5-10 năm	770,000	8.0	6,160,000
		Cộng			209.0	187,340,000